

Bản án số: **09/2025/DS-ST**

Ngày: 26 - 3 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đích

2. Ông Nguyễn Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Phú Huy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2024/TLST- DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ A, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Mai Thị Ngọc H**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: I đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 21/01/2025 tại văn phòng C tỉnh Quảng Nam) (*Bà H có mặt tại phiên tòa*)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn H1**, sinh năm: 1966 và bà **Trần Thị V**, sinh năm: 1974; Cùng địa chỉ: Số E Suối đá C, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; (*Ông H1, bà V vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 09 tháng 10 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc H trình bày:*

Do chỗ quen biết qua giới thiệu của bạn bè, bà Trương Thị T có cho ông Nguyễn H1 và bà Trần Thị V vay nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 21/4/2023 âm lịch, bà Trương Thị T cho ông H1 và bà V vay số tiền 245.000.000 đồng.

- Ngày 10/7/2023 âm lịch, bà Trương Thị T cho ông H1 và bà V vay số tiền 150.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà Trương Thị T cho ông H1 và bà V vay là 395.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*). Khi vay tiền, ông H1 và bà V có viết giấy mượn tiền và hẹn khi nào bà T yêu cầu ông H1 và bà V trả thì ông bà sẽ trả. Mục đích vay tiền của ông H1 và bà V là để đầu tư kinh doanh. Theo giấy mượn nợ ngày 21/4/2023 âm lịch, ông H1 và bà V hẹn sau 4 tháng ông bà sẽ trả cho bà T là ngày 21/8/2023 âm lịch (tức 05/10/2023 dương lịch) và cho mượn 150.000.000 đồng theo giấy tờ mượn nợ ngày 10/7/2023 âm lịch, mượn đến ngày 14/7/2023 âm lịch (tức ngày 29/8/2023 dương lịch). Tuy nhiên, từ ngày 05/10/2023 đến nay, ông H1 và bà V mới trả cho bà T 25.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tháng 11,12 năm 2023; còn 370.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi những tháng sau đó ông H1 và bà V không trả cho bà T, mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu ông H1 và bà V trả số tiền trên nhưng ông bà cứ hứa hẹn và đưa ra rất nhiều lý do để cố tình không trả nợ.

Nay để đảm bảo quyền lợi của mình, bà Trương Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Sơn Trà giải quyết: Buộc ông Nguyễn H1 và bà Trần Thị V phải có nghĩa vụ trả số tiền 405.000.000 đồng. Trong đó: tiền nợ gốc là 370.000.000 đồng và tiền lãi trong 7 tháng (từ tháng 1/2024 đến tháng 7/2024): 5.000.000 đồng/tháng (1,35%/tháng) x 7 tháng = 35.000.000 đồng. Ngoài ra, bà T yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày khởi kiện đến khi vụ án đưa ra xét xử. Tiền lãi được tính từ ngày chậm trả là (từ ngày 01/8/2024 đến ngày xét xử 07/3/2025 là 07 tháng, 07 ngày): 5.000.000.000 đồng/tháng (1,35%/tháng) x 07 tháng , 07 ngày = 36.166.667 đồng (*Ba mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*). Tổng cộng buộc ông Nguyễn H1 và bà Trần Thị V phải trả ngay cho bà Trương Thị T số tiền gốc và lãi là: **441.166.667** (*Bốn trăm bốn mươi một triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng đồng*). Trong đó gốc 370 triệu đồng và lãi 71.166.667 đồng.

* Bị đơn bà Trần Thị V và ông Nguyễn H1 trình bày:

Tại Giấy cam kết vào ngày 28 tháng 11 năm 2024 bà Trần Thị V xác nhận “Bà và ông H1 đã vay bà Trương Thị T số tiền: 375.000.000 đồng, lãi suất 5 triệu đồng/tháng. Cam kết trả nợ như sau: Ngày 01/12/2024, trả số tiền lãi 10.000.000 đồng; Ngày 01/01/2025, trả số tiền lãi 5.000.000 đồng; Ngày 01/02/2025, trả số tiền lãi 5.000.000 đồng; Ngày 01/3//2025, trả số tiền gốc và lãi 7 tháng (từ 01/2024 đến tháng 7/2024) là: $375.000.000 + 35.000.000 = 410.000.000$ đồng.

Nếu vợ chồng bà bán được nhà trước thời điểm trả nợ thì vợ chồng bà cam kết trả hết toàn bộ cơ gốc và lãi cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề 22/7/2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/10/2024 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 21 tháng 4 năm 2023 và ngày 10 tháng 7 năm 2023. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ: Số E Suối đá C, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn H1 và bà Trần Thị V đã được Tòa án nhân dân quận Sơn Trà triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử nhưng ông H1, bà V vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông H1, bà V.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của bà Trương Thị T đòi bà Trần Thị V và ông Nguyễn H1 trả số tiền **441.166.667** (*Bốn trăm bốn mươi một triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng đồng*). Trong đó gốc 370 triệu đồng và lãi 71.166.667 đồng.

Căn cứ 02 giấy vay tiền, HĐXX nhận thấy: Đây là Hợp đồng vay tiền, có thời hạn, có thỏa thuận lãi suất.

Căn cứ nội dung của giấy vay tiền ngày ngày 21 tháng 4 năm 2023 và ngày 10 tháng 7 năm 2023 cũng như tại bản cam kết ngày 28 tháng 11 năm 2024 bà Trần Thị V thừa nhận bà và chồng bà có vay của bà Trương Thị T số tiền gốc 395 triệu đồng, đã trả được 25 triệu đồng, còn nợ lại 370 triệu đồng tiền gốc. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS năm 2015 ghi nhận: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

Như vậy bà Trần Thị V và ông Nguyễn H1 đã vay của bà Trương Thị T số tiền 395 triệu đồng, đã trả được 25 triệu đồng, còn nợ lại 370 triệu đồng tiền gốc là có thật, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS, hội đồng xét xử công nhận việc bà T cho

bà V, ông H1 vay tiền, nay bà T yêu cầu trả bà V, ông H1 đồng ý trả cho bà T số tiền 370 triệu đồng là có thật và được 02 bên thừa nhận nên không phải chứng minh.

Xét yêu cầu trả lãi của bà T đối với bà V, ông H1 thì thấy: Căn cứ theo Giấy vay tiền ngày 21/4/2023 âm lịch thể hiện ông Nguyễn H1 và bà Trần Thị V có vay của bà T số tiền 245.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng*). Thời hạn vay là 4 tháng, từ ngày 21/4/2023 âm lịch đến ngày 21/8/2023 âm lịch (tức 05/10/2023 dương lịch).

Căn cứ theo Giấy vay tiền ngày 10/7/2023 âm lịch thể hiện ông Nguyễn H1 và bà Trần Thị V có vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Thời hạn vay từ ngày 10/7/2023 âm lịch đến 14/7/2023 âm lịch (tức ngày 29/8/2023 dương lịch).

Tổng số tiền bà T cho ông H1 và bà V vay là 395.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

Tuy nhiên, từ sau ngày 05/10/2023 đến nay, ông H1 và bà V mới trả 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) tiền gốc và tiền lãi tháng 11, tháng 12 năm 2023; Còn 370.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ tháng 01 năm 2024 đến nay ông H1 và bà V không trả.

Như vậy ông Nguyễn H1 và bà Trần Thị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại Giấy cam kết ông H1 bà V đã thống nhất lãi suất theo thỏa thuận giữa hai bên 5.000.000.000 đồng/tháng (*1,35%/tháng*).

Căn cứ quy định tại các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015, khi bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất do chậm trả.

Theo thỏa thuận giữa hai bên 5.000.000.000 đồng/tháng (*1,35%/tháng*) là phù hợp quy định tại các điều 357 và điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất trả lãi đến tháng 12 năm 2023 và lãi tiếp tục tính từ tháng 01 năm 2024 đến ngày 07 tháng 3 năm 2025 là 14 tháng 07 ngày với lãi suất 1,35%/tháng .

Lãi tính như sau: 5.000.000.000 đồng/tháng (*1,35%/tháng*) x 14 tháng, 07 ngày = 71.166.667 đồng (*Bảy mươi một triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Như vậy bà V, ông H1 phải trả cho bà T tổng cộng số tiền **441.166.667 đồng** (*Bốn trăm bốn mươi một triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong đó: tiền gốc 370 triệu đồng và tiền lãi 71.166.667 đồng.

[3] Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bà bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng + 4% (41.166.667 đồng) = 21.646.666 đồng. H2 lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 92, 147, 186, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với bà Trần Thị V và ông Nguyễn H1 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

1. Xử Buộc bà Trần Thị V và ông Nguyễn H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị T số tiền là **441.166.667 đồng** (*Bốn trăm bốn mươi một triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong đó: Tiền gốc 370 triệu đồng và tiền lãi 71.166.667 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị V và ông Nguyễn H1 phải chịu là: 21.646.666 đồng (*Hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

4. Bà Trương Thị T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Trương Thị T số tiền tạm ứng án phí 10.100.000 đồng (*Mười triệu một trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0002930 ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

